

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Tên chương trình:	QUẢN LÝ CÔNG NGHIỆP
Trình độ đào tạo:	ĐẠI HỌC
Ngành đào tạo:	QUẢN LÝ CÔNG NGHIỆP
Mã ngành:	52510601
Hình thức đào tạo:	Chính quy

(Ban hành theo Quyết định số:ngày tháng.....năm 201... của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp. Hồ Chí Minh)

1. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 4 năm

2. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH: *Tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương)*

3. THANG ĐIỂM, QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

- **Thang điểm:** 10

- **Quy trình đào tạo:** *Theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy (Ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ – BGDDT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

- **Điều kiện tốt nghiệp:**

+ Điều kiện chung: *Theo qui chế ban hành theo Quyết định số 43/2007/QĐ – BGDDT*

4. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO VÀ CHUẨN ĐẦU RA

MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo ngành Quản lý công nghiệp đào tạo những cử nhân trong lĩnh vực kinh tế nhằm cung cấp cho xã hội nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ cho các hoạt động kinh doanh thương mại góp phần phát triển nền kinh tế nước nhà. Chương trình đào tạo cung cấp cho người học kiến thức về lĩnh vực kinh doanh và cách thức quản lý hoạt động kinh doanh trên cơ sở tiếp thu lý thuyết và tiếp cận thực tế trong môi trường kinh doanh. Sinh viên tốt nghiệp có khả năng tham gia xây dựng kế hoạch, chiến lược kinh doanh và quản lý hoạt động kinh doanh trong nhiều lĩnh vực. Với việc áp dụng phương pháp giảng dạy hiện đại kết hợp giữa lý thuyết và thực tiễn, chương trình đào tạo giúp sinh viên phát triển các kỹ năng tư duy, phân biện; phân tích, tổng hợp và xử lý vấn

đề một cách có logic; kỹ năng giao tiếp trong môi trường kinh doanh; kỹ năng làm việc nhóm và quản lý nhóm hiệu quả; phong cách làm việc chuyên nghiệp, có trách nhiệm nghề nghiệp.

CHUẨN ĐẦU RA

1 KIẾN THỨC VÀ LẬP LUẬN CHUYÊN NGÀNH

1.1 KIẾN THỨC KHOA HỌC CƠ BẢN

1.1.1 Có hiểu biết về các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin; Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; Tư tưởng Hồ Chí Minh; có các kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn phù hợp với chuyên ngành được đào tạo; có sức khỏe, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;

1.1.2 Có kiến thức cơ bản về toán học và khoa học tự nhiên, đáp ứng việc tiếp thu các kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và khả năng học tập ở trình độ cao hơn;

1.2 KIẾN THỨC NỀN TẢNG NGÀNH CỐT LÕI

1.2.1 Kiến thức về những nguyên lý cơ bản để phân tích hoạt động kinh tế đang diễn ra trong nền kinh tế thị trường dưới góc độ vi mô cũng như vĩ mô

1.2.2 Kiến thức cơ bản về lập mô hình bài toán quy hoạch tuyến tính từ các tình huống kinh doanh thực tế; sử dụng các phương pháp giải những bài toán để đưa ra các phương án sản xuất tối ưu cho doanh nghiệp

1.2.3 Kiến thức về xác suất và phân phối xác suất; ứng dụng excel về thống kê mô tả; kiến thức về ước lượng và kiểm định những bài toán kinh tế

1.2.4 Kiến thức về hồi quy tuyến tính đơn biến, đa biến; ước lượng được những mối liên hệ kinh tế và thực hiện những dự báo các thông số kinh tế

1.2.5 Kiến thức cơ bản về công tác hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm tra và những kỹ năng cần thiết của nhà quản trị để đạt được mục tiêu của tổ chức

1.2.6 Kiến thức về cách thức vận hành của các loại hệ thống sản xuất, lập kế hoạch sản xuất, tính toán lượng tồn kho tối ưu trong hoạt động quản lý và điều hành sản xuất công ty

1.2.7 Kiến thức về quản trị marketing của doanh nghiệp; nghiên cứu mở rộng phạm vi hoạt động, phân tích người tiêu thụ; hoạch định sản phẩm; hoạch định giá; hoạch định phân phối; hoạch định xúc tiến; tổ chức thực hiện, kiểm tra, đánh giá các hoạt động marketing của doanh nghiệp

1.2.8 Kiến thức cơ bản về chất lượng và quản trị chất lượng, các công cụ đánh giá chất lượng trong doanh nghiệp, xây dựng và đánh giá hệ thống quản trị chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9000 và quản trị chất lượng toàn diện

1.2.9 Kiến thức về quản lý thời gian, chất lượng, chi phí của dự án; kiến thức về quản trị rủi ro

1.2.10 Kiến thức về vai trò của hệ thống thông tin trong doanh nghiệp; các khái niệm căn bản của các thành phần trong hệ thống thông tin; cách thức triển khai hệ thống thông tin phục vụ trong quản trị doanh nghiệp

1.2.11 Kiến thức cơ bản về thu hút, đào tạo phát triển và duy trì nguồn nhân lực bên trong tổ chức; kiến thức về hành vi cá nhân, hành vi nhóm trong tổ chức, cấu trúc tổ chức và văn hóa tổ chức

1.2.12 Kiến thức về từ vựng anh văn chuyên ngành trong lĩnh vực quản lý kinh tế tài chính

1.3 KIẾN THỨC NỀN TẢNG CHUYÊN NGÀNH NÂNG CAO

1.3.1 Kiến thức về mối quan hệ và cách thức vận hành một chuỗi cung ứng của doanh nghiệp liên quan đến nhà cung cấp, doanh nghiệp sản xuất, hệ thống phân phối, khách hàng

1.3.2 Kiến thức về một số phương thức giúp tối ưu hóa việc sử dụng nguồn lực của doanh nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động sản xuất

1.3.3 Kiến thức về lập chiến lược và thực thi chiến lược, cung cấp khung tổng quát để quản lý tổ chức và các bộ phận chức năng.

1.3.4 Kiến thức về các loại chứng khoán; các chủ thể tham gia thị trường chứng khoán; cách thức phát hành; các nguyên lý vận hành của thị trường chứng khoán

1.3.5 Kiến thức về phân tích dự án như phân tích thị trường, phân tích kỹ thuật công nghệ, phân tích nhân lực, phân tích tài chính, phân tích rủi ro; kiến thức về các chỉ tiêu tài chính, kinh tế để lựa chọn dự án

1.3.6 Kiến thức về phong cách lãnh đạo, tâm lý lãnh đạo, việc sử dụng quyền hạn quyền lực

1.3.7 Kiến thức về kế hoạch hóa các hoạt động trong kinh doanh

2. KỸ NĂNG VÀ TỐ CHẤT CÁ NHÂN CHUYÊN NGHIỆP

2.1. LẬP LUẬN CHUYÊN NGÀNH VÀ GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ

2.1.1 Nhận diện các tình huống kinh tế, dự kiến được kế hoạch thực hiện (mô hình phối hợp, phân tích định tính, thử nghiệm và xem xét các yếu tố bất định)

2.1.2 Nhận diện được các giả thuyết để đơn giản hóa các hệ thống và môi trường phức tạp, lựa chọn được các mô hình ý niệm và định tính

2.1.3 Giải thích được mức độ quan trọng, giới hạn và khuynh hướng; xác định được các phép kiểm tra về tính đồng nhất và sai số

2.1.4 Giải thích được các sự kiện và trình tự, tính toán được chi phí - lợi ích kinh tế và phân tích rủi ro. Giải thích được kết quả và đưa ra các đề xuất

2.2. THỬ NGHIỆM VÀ KHÁM PHÁ TRI THỨC

- 2.1.1 Xây dựng được những bảng câu hỏi, xác định được đối tượng và phạm vi nghiên cứu, xác định được kích cỡ mẫu
- 2.1.2 Xác định phương pháp chọn mẫu, tiến hành điều tra, phân tích dữ liệu và phục vụ cho việc nghiên cứu dữ liệu cho mô hình
- 2.1.3 Lựa chọn chiến lược nghiên cứu tài liệu, tận dụng việc tra cứu và xác định thông tin bằng cách sử dụng các công cụ thư viện (tài liệu trên mạng, các cơ sở dữ liệu, công cụ tìm kiếm); xác định chất lượng và độ tin cậy của thông tin, chỉ ra những nội dung chính yếu và điểm mới hàm chứa trong thông tin, chỉ ra những trích dẫn về tài liệu tham khảo
- 2.1.4 Thảo luận tính hợp lý của dữ liệu thống kê, những giới hạn của dữ liệu được sử dụng, giải thích các kết luận được chứng minh bởi dữ liệu, các nhu cầu và giá trị

2.2 SUY NGHĨ TẦM HỆ THỐNG

- 2.2.1 Xác định và định nghĩa một hệ thống, sự ứng xử và các thành phần của nó; sử dụng những phương pháp tiếp cận liên ngành để đảm bảo rằng hệ thống được hiểu từ mọi phía có liên quan; liên hệ bối cảnh kinh tế xã hội, doanh nghiệp, và kỹ thuật của hệ thống; xác định những sự tương tác bên ngoài lên hệ thống và ứng xử của hệ thống
- 2.2.2 Áp dụng những khái niệm tóm tắt cần thiết để định nghĩa và lập mô hình hệ thống, xác định các đặc tính vận hành và chức năng phát sinh từ hệ thống, nhận thức được sự thích nghi với những biến đổi theo thời gian
- 2.2.3 Xác định và phân loại tất cả các nhân tố liên quan đến toàn bộ hệ thống; phân tích các sự phân bổ nguồn lực để giải quyết các vấn đề chính; phân tích ưu nhược điểm và chọn giải pháp cân bằng; lựa chọn và sử dụng các phương pháp cân bằng nhiều yếu tố khác nhau; giải quyết các mâu thuẫn và tối ưu hóa toàn bộ hệ thống; đánh giá những cải tiến có thể đạt được trong quá trình suy nghĩ tầm hệ thống

2.3 KỸ NĂNG VÀ THÁI ĐỘ CÁ NHÂN

- 2.3.1 Đề xuất các phương án và nhận diện rủi ro của các phương án cho việc đề xuất đề án; phân tích được các lợi điểm, các rủi ro tiềm năng và kết quả đạt được của một hành động
- 2.3.2 Thể hiện sự tự tin, lòng nhiệt tình, niềm đam mê, sự thích nghi đối với sự thay đổi, sự sẵn sàng và khả năng làm việc độc lập, sự sẵn sàng làm việc với người khác, biết xem xét và chấp nhận các quan điểm khác
- 2.3.3 Thể hiện khả năng tổng hợp và tổng quát hóa về một vấn đề, trình bày được vấn đề trong bối cảnh xã hội và công nghệ
- 2.3.4 Lựa chọn được những lý lẽ và các giải pháp logic, đánh giá chứng cứ hỗ trợ, kiểm tra các giả thuyết và kết luận
- 2.3.5 Mô tả các kỹ năng, mối quan tâm, điểm mạnh, điểm yếu của bản thân; thảo luận về giới hạn những khả năng, trách nhiệm và cho sự vươn lên của bản thân để khắc phục những điểm yếu quan trọng
- 2.3.6 Thảo luận động cơ tự học liên tục, thể hiện các kỹ năng tự học hỏi

2.3.7 Thảo luận việc sắp xếp nhiệm vụ theo thứ tự ưu tiên; sắp xếp tầm quan trọng và/hay tính cấp bách của các nhiệm vụ

2.4 CÁC KỸ NĂNG VÀ THÁI ĐỘ CHUYÊN NGHIỆP

2.4.1 Thể hiện được các tiêu chuẩn và nguyên tắc về đạo đức của mình, nhận thức rằng sai lầm là có thể chấp nhận được, nhưng phải có trách nhiệm với sai lầm đó; thể hiện được sự cam kết để phục vụ

2.4.2 Thảo luận về phong cách chuyên nghiệp, xác định được các phong tục quốc tế và tập quán tiếp xúc trong giao tiếp, thể hiện được khả năng nghề nghiệp một cách chuyên nghiệp

2.4.3 Thảo luận được tầm nhìn cá nhân cho tương lai của mình, giải thích được việc tạo mạng lưới quan hệ với những người chuyên nghiệp; xác định được các kỹ năng chuyên nghiệp cần có

2.4.4 Thảo luận được sự tác động tiềm năng của những khám phá khoa học mới, mô tả được tác động kinh tế - xã hội, chỉ ra được các mối liên kết giữa lý thuyết và thực tiễn

3 KỸ NĂNG LÀM VIỆC THEO NHÓM VÀ GIAO TIẾP

3.1 LÀM VIỆC THEO NHÓM

3.1.1 Lựa chọn các thành viên để hình thành nhóm, đề ra các nguyên tắc hoạt động trong nhóm

3.1.2 Xác định các mục tiêu và công việc cần làm, đưa ra kế hoạch, phân công công việc hợp lý để duy trì hoạt động nhóm.

3.1.3 Khả năng tương tác với các nhóm khác

3.1.4 Đánh giá hiệu quả công việc và đóng góp của các thành viên

3.2 GIAO TIẾP

3.2.1 Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng các hình thức trực tiếp và gián tiếp

3.2.2 Thực hành chuẩn bị thuyết trình và phương tiện hỗ trợ với ngôn ngữ, phong cách, thời gian, và cấu trúc phù hợp; sử dụng các phương tiện giao tiếp không bằng văn bản hay lời nói (cử chỉ, ánh mắt, cơ thể); lựa chọn trả lời các câu hỏi một cách hiệu quả

3.3 GIAO TIẾP BẰNG NGOẠI NGỮ

3.3.1 Tiếng Anh (trình độ tương đương cấp độ B1 chuẩn Châu Âu hoặc 450 điểm TOEIC)

4 HÌNH THÀNH Ý TƯỞNG, THIẾT KẾ, TRIỂN KHAI, VÀ VẬN HÀNH TRONG BỐI CẢNH DOANH NGHIỆP VÀ XÃ HỘI

4.1 BỐI CẢNH BÊN NGOÀI XÃ HỘI

4.1.1 Khái quát được các mục tiêu và vai trò của ngành nghề quản lý công nghiệp, làm sáng tỏ các trách nhiệm của cử nhân quản lý công nghiệp đối với xã hội;

4.1.2 Hiểu rõ tác động của chuyên ngành Quản lý công nghiệp đối với lĩnh vực sản xuất, kinh doanh và xã hội

- 4.1.3 Có kiến thức và luôn cập nhật về bối cảnh kinh tế và xã hội
- 4.1.4 Giải thích được những điểm tương đồng và khác biệt trong các tập quán văn hóa, chính trị, xã hội, kinh tế; hiểu rõ các mối quan hệ kinh tế quốc tế.

4.2 BỐI CẢNH DOANH NGHIỆP VÀ KINH DOANH

- 4.2.1 Tôn trọng các văn hóa khác nhau của doanh nghiệp
- 4.2.2 Khái quát được triết lý kinh doanh, sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi, quy mô và cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp
- 4.2.3 Mô tả được công việc của các vị trí công tác trong doanh nghiệp, mối liên hệ giữa các vị trí công tác
- 4.2.4 Dự đoán các cơ hội kinh doanh ở thị trường mới và lĩnh vực mới

4.3 HÌNH THÀNH Ý TƯỞNG & XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHUYÊN NGÀNH

- 4.3.1 Khái quát được sự khác biệt trong quy trình, văn hóa, và thước đo sự thành công trong các văn hóa doanh nghiệp khác nhau
- 4.3.2 Dự đoán được các nhu cầu của khách hàng, khái quát hoá các yếu tố cấu thành bối cảnh của yêu cầu, diễn giải các mục tiêu và yêu cầu của hệ thống
- 4.3.3 Khái quát hóa các chức năng cần thiết của hệ thống (và các điều kiện hoạt động); làm sáng tỏ được hình thức và tổ chức cấu trúc ở cấp độ cao; giải thích được sự phân tán chức năng, giao chức năng cho từng thành phần và xác định giao tiếp giữa các thành phần
- 4.3.4 Khái quát hóa các mô hình phù hợp về hiệu quả kinh tế, giải thích các khái niệm về triển khai và vận hành; tính toán các giá trị và chi phí trong chu trình vòng đời dự án (thiết kế, triển khai, vận hành, cơ hội, ...); giải thích được sự trao đổi giữa các mục tiêu, chức năng, khái niệm, và cơ cấu
- 4.3.5 Thực hiện được những công việc kiểm soát chi phí, hiệu suất, và trình tự của dự án; phân tích được cấu hình quản lý và tài liệu; diễn giải thực hiện công việc so với mức chuẩn; minh họa về quy trình giá trị đạt được, nêu lý do cho việc ước lượng và phân bổ các nguồn lực; nhận diện được các rủi ro và các lựa chọn thay thế, dự đoán sự phát triển các quy trình cải tiến có thể thực hiện được

4.4 THIẾT KẾ

- 4.4.1 Minh họa các yêu cầu cho mỗi thành phần hay bộ phận được rút ra từ các mục tiêu và yêu cầu ở mức độ hệ thống; phát hiện các lựa chọn thay thế trong lập kế hoạch; xây dựng được kế hoạch ban đầu; áp dụng tối ưu hóa phù hợp với những ràng buộc hiện có; xây dựng được kế hoạch cuối cùng; chứng minh sự đáp ứng khi yêu cầu thay đổi
- 4.4.2 Minh họa các hoạt động trong các giai đoạn của thiết kế hệ thống (ý tưởng, thiết kế sơ bộ, và thiết kế chi tiết); áp dụng các mô hình quá trình phù hợp cho các đề án phát triển cụ thể; xây dựng quy trình cho các sản phẩm đơn lẻ, sản phẩm mềm, hay sản phẩm cải tiến
- 4.4.3 Áp dụng kiến thức kinh tế và khoa học, liên hệ được mối quan hệ giữa tư duy sáng tạo và suy xét và giải quyết vấn đề; giải quyết công việc ưu tiên trong lĩnh vực
- 4.4.4 Sử dụng quy trình phù hợp

4.4.5 Giải thích được sự tương tác giữa các chuyên ngành

4.5 TRIỂN KHAI

4.5.1 Khái quát hóa các mục tiêu và các thước đo tính năng, chi phí, và chất lượng của việc triển khai

4.5.2 Thực hiện kế hoạch chi tiết

4.5.3 Tiến hành kiểm tra trước, trong và sau khi thực hiện kế hoạch để có những điều chỉnh kịp thời nhằm đạt đến kết quả tối ưu

4.5.4 Khái quát hóa tổ chức và cơ cấu cho việc triển khai; giải thích việc kiểm soát chi phí trong triển khai, thực hiện và tiến trình; làm sáng tỏ nguồn cung cấp, hợp tác và dây chuyền cung ứng, làm sáng tỏ đảm bảo chất lượng và an toàn, các cải tiến có thể thực hiện được trong quá trình triển khai

4.6 VẬN HÀNH

4.6.1 Diễn giải các mục tiêu và đo lường tính năng hoạt động, chi phí và giá trị của vận hành; giải thích cấu trúc và phát triển quy trình vận hành, sự phân tích và mô hình hóa vận hành

4.6.2 Giải thích việc huấn luyện để vận hành chuyên nghiệp, nhu cầu đào tạo cho sự vận hành của từng doanh nghiệp; diễn giải các quy trình vận hành và sự tương tác của các thành phần trong hệ thống

4.6.3 Diễn giải tính năng và độ tin cậy của dự án, sự phản hồi để hoàn thiện dự án

4.6.4 Nhận dạng các rủi ro trong quá trình vận hành dự án

4.6.5 Dự đoán các vấn đề ở giai đoạn cuối dự án

5. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHOẢ (tính bằng tín chỉ)

- 150 Tín chỉ (không bao gồm khối kiến thức GDTC và GDQP-AN)

6. PHÂN BỐ KHỐI LƯỢNG CÁC KHỐI KIẾN THỨC

Tên	Số tín chỉ		
	Tổng	Bắt buộc	Tự chọn
Kiến thức giáo dục đại cương	56	50	4
Lý luận chính trị và Pháp luật đại cương	12	12	
Khoa học XH&NV	9	5	4
Anh văn	9	9	
Tin học	3	3	
Toán và KHTN	23	23	
Khối kiến thức chuyên nghiệp	94	85	12
Cơ sở nhóm ngành và ngành	28	22	6
Chuyên ngành	54	48	6

Thực tập xưởng			
Thực tập tốt nghiệp	4	4	
Khóa luận tốt nghiệp	10	10	
Khối kiến thức sư phạm (nếu có)			
Lý thuyết			
Thực tập sư phạm			

7. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

A – PHẦN BẮT BUỘC

7.1 Kiến thức giáo dục đại cương (50 tín chỉ)

7.1.1 Lý luận chính trị + pháp luật đại cương và Khoa học XH & NV

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1		Các nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin	5	BB Bộ
2		Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	BB Bộ
3		Đường lối CM của ĐCS Việt Nam	3	BB Bộ
4	INMA 130106	Nhập môn ngành Quản lý công nghiệp	3 (2+1)	BB trường
5		Pháp luật đại cương	2	BB Bộ
	SCRE220306	Phương pháp NCKH kinh tế	2	BB khoa
Tổng cộng			17	

7.1.2 Ngoại ngữ

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1		Anh văn 1	3	BB trường
2		Anh văn 2	3	BB trường
3		Anh văn 3	3	BB trường
Tổng cộng			9	

7.1.3 Toán – Tin học – Khoa học Tự nhiên

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1		Toán cao cấp C1	3	BB trường

2		Toán cao cấp C2	3	<i>BB trường</i>
3		Tin học quản lý	3 (2+1)	<i>BB trường</i>
4		Hóa đại cương B	2	<i>Khoa chọn</i>
5		Vật lý đại cương A1	3	<i>Khoa chọn</i>
6		Vật lý đại cương A2	3	<i>Khoa chọn</i>
7		Xác suất thống kê ứng dụng	3	<i>Khoa chọn</i>
8	EMET230606	Kinh tế lượng	3	<i>Khoa chọn</i>
9	LIPR 230706	Tối ưu hóa	3	<i>Khoa chọn</i>
Tổng cộng			26	

7.2 Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

7.2.1 Kiến thức cơ sở nhóm ngành và ngành

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1	BECO230106	Kinh tế học kinh doanh	3	<i>BB khoa</i>
2	FECO240206	Kinh tế học đại cương	4	<i>BB khoa</i>
3	PRAC230407	Nguyên lý kế toán	3	<i>BB khoa</i>
4	BLAW220906	Luật kinh tế	2	<i>BB khoa</i>
5	FUMA230806	Quản trị học căn bản	3	<i>BB khoa</i>
6	STAT231006	Thống kê trong kinh doanh	3	<i>BB khoa</i>
7		Vẽ kỹ thuật	2	<i>BB khoa</i>
Cộng			22	

7.2.2.a Kiến thức chuyên ngành (cho các học phần lý thuyết và thí nghiệm)

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1	MAMA340906	Quản trị marketing	4	<i>BB khoa</i>
2	MAAC331307	Kế toán quản trị	3	<i>BB khoa</i>
3	BENG330706	Anh văn thương mại	3	<i>BB khoa</i>
4	PRMA330806	Quản trị sản xuất 1	2	<i>BB khoa</i>
5	PRMA331506	Quản trị sản xuất 2	3	<i>BB khoa</i>

6	TEMA321406	Quản trị công nghệ	2	BB khoa
7	MARE320206	Nghiên cứu tiếp thị	2	BB khoa
8	HRMA331206	Quản trị nguồn nhân lực	3	BB khoa
9	QMAN331606	Quản trị chất lượng	3	BB khoa
10	MAIM320406	Quản lý bảo trì và bảo dưỡng CN	2	BB khoa
11	MAIS430306	Hệ thống thông tin quản lý (MIS)	3	BB khoa
12	STMA430406	Quản trị chiến lược	3	BB khoa
13	PROM430506	Quản trị dự án công nghiệp	3	BB khoa
14	BPLA420606	Kế hoạch kinh doanh	2	BB khoa
15	SCMA420706	Quản trị chuỗi cung ứng	2	BB khoa
16	FIMA420807	Quản trị tài chính	3	BB khoa
17	LJIT420906	Quản trị sản xuất theo lean and Jit	2	BB khoa
18	ECOM431006	Thương mại điện tử	3	BB khoa
Cộng			48	

7.2.2.b Kiến thức chuyên ngành (các học phần thực hành xưởng, thực tập công nghiệp)

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1	INTE441106	Thực tập tốt nghiệp	4	BB trường
Cộng			4	

7.2.3 Khoá luận tốt nghiệp (hoặc thi tốt nghiệp)

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1	IMGR4101206	Khóa luận tốt nghiệp QCN/Thi TN	10	BB trường
Cộng			10	

B – PHẦN TỰ CHỌN:

1. Kiến thức giáo dục đại cương: (Chọn 2 môn trong 8 môn: 04 tín chỉ)

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1		Tâm lý học	2	
2		Kỹ năng xây dựng kế hoạch	2	
3		Tư duy hệ thống	2	
4		Tiếng Việt thực hành	2	
5		Kỹ năng thuyết trình	2	
6		Nhập môn logic học	2	
7		Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	
8		Nhập môn xã hội học	2	

2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

2.1 Tự chọn những môn thuộc nhóm kỹ thuật (Nhóm A)

(Chọn 2 trong 6 môn: 06 Tín chỉ)

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1		Auto Cad căn bản	3	(2+1)
2		Tự động hóa quá trình sản xuất	3	
3		Vật liệu học cơ sở	3	(2+1)
4		Kỹ thuật điện	3	
5		Kỹ thuật điện tử	3	
6		Cơ khí đại cương	3	
7		Kỹ thuật số	3	
8		Đánh giá tác động của môi trường	3	

2.2 Tự chọn những môn thuộc nhóm Kinh tế (Nhóm B):

(Chọn 03 trong 6 môn: 06 Tín chỉ)

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1	ORBE320306	Hành vi tổ chức	2	
2	PRAN321106	Lập và phân tích dự án	2	
3	BCOM320106	Giao tiếp trong kinh doanh	2	
4	SEMA320907	Thị trường chứng khoán	2	
5	CUSM321006	Quản trị quan hệ khách hàng	2	
6	MARI420107	Quản trị rủi ro	2	
7	ADBE430206	Anh văn thương mại nâng cao	2	
8	PSBU221106	Tâm lý học kinh doanh	2	
9	INTB320606	Kinh doanh quốc tế	2	
10	BCUL320506	Văn hóa doanh nghiệp	2	

8. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Học kỳ 1:

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Mã HP tiên quyết (nếu có)
1		Toán cao cấp C1	3	
2		Pháp luật đại cương	2	

3		Vật lý đại cương A1	3	
4		Những nguyên lý cơ bản CNMLN	5	
5		Tin học quản lý	3 (2+1)	
6	INMA130106	Nhập môn ngành QLCN	3 (2+1)	
Tổng			19	

Học kỳ 2:

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Mã HP tiên quyết (nếu có)
1		Toán cao cấp C2	3	
2		Anh văn 1	3	
3	FECO240206	Kinh tế học đại cương	4	
4		Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
5		Vật lý đại cương A2	3	
6		Hoá đại cương B	2	
7		Xác suất thống kê ứng dụng	3	
8		Giáo dục thể chất 1		
9		Chọn 1 môn trong nhóm tự chọn kiến thức giáo dục đại cương	2	
Tổng			22	

Học kỳ 3:

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Mã HP tiên quyết (nếu có)
1		Đường lối cách mạng ĐCSVN	3	
2	FUMA230806	Quản trị học căn bản	3	
3		Anh văn 2	3	
4	LIPR230706	Tối ưu hóa	3	
5	STAT231006	Thống kê trong kinh doanh	3	
6		Vẽ kỹ thuật	2	
7		Giáo dục thể chất 2		
8		Chọn 1 môn trong nhóm tự chọn kiến thức giáo dục đại cương	2	
Tổng			19	

Học kỳ 4:

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Mã HP tiên quyết (nếu có)
1	PRAC230407	Nguyên lý kế toán	3	
2	EMET230606	Kinh tế lượng	3	
3	BECO230106	Kinh tế học kinh doanh	3	
4	SCRE220306	Phương pháp NCKH kinh tế	2	
5		Anh văn 3	3	
6	BLAW220906	Luật kinh tế	2	
7		Giáo dục thể chất 3		
8		Chọn 1 môn trong nhóm tự chọn A	3	
Tổng			19	

Học kỳ 5:

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Mã HP tiên quyết (nếu có)
1	BENG330706	Anh văn thương mại	3	
2	MAMA340906	Quản trị marketing	4	
3	MAAC331307	Kế toán quản trị	3	
4	PRMA330806	Quản trị sản xuất 1	2	
5	QMAN331606	Quản trị chất lượng	3	
6	TEMA321406	Quản trị công nghệ	2	
7		Chọn 1 môn trong nhóm tự chọn A	3	
Tổng			20	

Học kỳ 6:

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Mã HP tiên quyết (nếu có)
1	HRMA331206	Quản trị nguồn nhân lực	3	
2	MAIM320406	Quản lý bảo trì và bảo dưỡng công nghiệp	2	
3	MAIS430306	Hệ thống thông tin quản lý (MIS)	3	

4	PRMA331506	Quản trị sản xuất 2	3	
5	MARE320206	Nghiên cứu tiếp thị	2	
6	FIMA420807	Quản trị tài chính	3	
7		Chọn 2 môn trong nhóm tự chọn B	4	
Tổng			20	

Học kỳ 7:

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Mã HP tiên quyết (nếu có)
1	STMA430406	Quản trị chiến lược	3	
2	PROM430506	Quản trị dự án công nghiệp	3	
3	LJIT420906	Quản trị sản xuất theo Lean và Jit	2	
4	SCMA420706	Quản trị chuỗi cung ứng	2	
5	ECOM431006	Thương mại điện tử	3	
6	BPLA420606	Kế hoạch kinh doanh	2	
7		Chọn 1 môn trong nhóm tự chọn B	2	
Tổng			17	

Học kỳ 8:

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Mã HP tiên quyết (nếu có)
1	INTE441106	Thực tập tốt nghiệp	4	
2	IMGR4101206	Khóa luận TN QCN/Thi TN	10	
Tổng			14	

9. MÔ TẢ VẮN TẮT NỘI DUNG VÀ KHỐI LƯỢNG CÁC HỌC PHẦN

9.1 Kinh tế lượng

Số TC: 03

- Phân bố thời gian học tập: 3 (2, 1, 6)
- Điều kiện tiên quyết: Thống kê trong kinh doanh
- Tóm tắt nội dung học phần: Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp lượng hóa một mô hình kinh tế. Giới thiệu một số kỹ thuật cơ bản trong việc sử dụng kinh tế lượng trong việc nghiên cứu và phân tích kinh tế. Những kỹ thuật này sẽ được minh họa cụ thể nhờ phần mềm thống kê EViews 5.0. Phần mềm này sẽ được minh họa với các ví dụ lồng vào các buổi học hàng tuần.

9.2 Tối ưu hóa

Số TC: 03

- *Phân bố thời gian học tập: 3 (2, 1, 6)*
- *Điều kiện tiên quyết: Toán C1, C2*
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Môn học được mở đầu bằng việc giới thiệu vài vấn đề thực tế dẫn đến mô hình quy hoạch tuyến tính. Trọng tâm của môn học là phân trình bày giải thuật đơn hình ở các mức độ sử dụng khác nhau. Lý thuyết đối ngẫu được trình bày một cách đơn giản. Phần ứng dụng của quy hoạch tuyến tính được trình bày sau cùng để thấy sự ứng dụng rộng rãi của quy hoạch tuyến tính.

9.3 Nguyên lý kế toán

Số TC: 03

- *Phân bố thời gian học tập: 3 (3,0, 6)*
- *Điều kiện tiên quyết: Kinh tế học đại cương*
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Môn học này nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về kế toán - một trong những công cụ quản lý kinh tế của doanh nghiệp. Sinh viên được trình bày về những lý thuyết căn bản, mục tiêu của kế toán, đối tượng của kế toán, nguyên tắc và các phương pháp kế toán được vận dụng cũng như các bước thực hành cơ bản trong 1 chu kỳ kế toán (như sinh viên được làm quen với chứng từ kế toán, với việc định khoản và ghi chép sổ sách kế toán, lập báo cáo kế toán dạng đơn giản, ...).

9.4 Tâm lý học kinh doanh

Số TC: 03

- *Phân bố thời gian học tập: 2 (2,0,4)*
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Nghiên cứu những hiện tượng, qui luật, cơ chế tâm lý của con người và nhóm người và quan hệ của họ trong hoạt động kinh doanh như: động cơ, nhu cầu, sở thích, hứng thú, tình cảm, hành vi (người mua, người bán, nhà kinh doanh, người lao động) hoặc quan hệ giữa họ như: (người mua và bán, nhà kinh doanh và người lao động). Nghiên cứu tập thể sản xuất kinh doanh, các hiện tượng tâm lý xã hội trong tập thể và trên thương trường. Nghiên cứu các yếu tố tâm lý của quảng cáo thương mại, các biện pháp thúc đẩy hoạt động kinh doanh ở cơ sở, nhằm mang lại lợi nhuận tối đa cho doanh nghiệp.

9.5 Giao tiếp trong kinh doanh

Số TC: 02

- *Phân bố thời gian học tập: 2 (2,0,4)*
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Môn học này nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức về tâm lý giao tiếp trong kinh doanh hầu ứng xử một cách hữu hiệu với các dạng tâm lý của khách hàng - lãnh đạo - đồng nghiệp và nhân viên thuộc quyền. Sinh viên sẽ được nghiên cứu về lý thuyết các học thuyết lẫn thực hành trong mọi tình huống - trên tinh thần làm việc theo nhóm (Teamwork), thuyết trình trước đám đông - nhằm giúp khả năng tự tin khi tiến hành một cuộc giao tiếp. Từ đó xác định ý thức rõ ràng về nhu cầu tự rèn luyện kỹ thuật - nghệ thuật giao tiếp để chuẩn bị hòa nhập trong môi trường kinh doanh đầy năng động.

9.6 Thống kê trong kinh doanh

Số TC: 03

- *Phân bố thời gian học tập: 3(2,1,6)*
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Môn học này nhằm giới thiệu thống kê học ứng dụng trong kinh doanh thông qua các bài tập, đề án lấy từ thực tế kinh doanh để sao cho sau khi học xong môn học, sinh viên sẽ biết áp dụng vào thực tế. Ngoài phần thống kê mô tả, trong đó sinh viên sẽ làm quen với các phương pháp thu thập, sắp xếp, trình bày dữ liệu v.v, còn có một phần thống kê suy đoán để giúp cho sinh viên biết dùng các công cụ thống kê để ra quyết định mang tính định lượng trong kinh doanh như trắc nghiệm giả thiết, hồi quy tuyến tính, ... Để học tốt môn này, sinh viên cần có những hiểu biết cơ bản về EXCEL và tinh thần làm việc theo nhóm.

9.7 Luật kinh tế

Số TC: 02

- *Phân bố thời gian học tập: 2(2,0,4)*
- *Điều kiện tiên quyết: pháp luật đại cương*
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Môn học Luật kinh doanh từng bước cung cấp cho người học những kiến thức nền tảng về triết lý, bản chất, vai trò và chức năng của pháp luật kinh tế đối với môi trường kinh doanh. Môn học này cũng sẽ giúp cho người học nhận diện được mối quan hệ mật thiết giữa luật và kinh tế học. Theo đó, luật pháp được coi là một yếu tố tạo nên chi phí kinh doanh. Với chủ đích tạo một môi trường học tập từ những gì đang diễn ra trong cuộc sống hàng ngày, môn học Luật kinh doanh với một tập hợp các tình huống có thật sẽ cung cấp cho người học những kiến thức nền tảng về các triết lý của pháp luật nói chung và luật kinh tế nói riêng. Các học thuyết này bao gồm học thuyết về quyền sở hữu; học thuyết về quyền tự do kinh doanh; lý thuyết về cạnh tranh; thuyết chi phí giao dịch; học thuyết pháp nhân và tính chịu trách nhiệm hữu hạn; lý thuyết về uỷ quyền- tác nghiệp; học thuyết về tự do khế ước; học thuyết về điều chỉnh thông tin bất cân xứng và quản lý rủi ro; học thuyết về lẽ công bằng...

9.8 Quản trị marketing

Số TC: 04

- *Phân bố thời gian học tập: 4(4,0,8)*
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Quản trị marketing là môn học cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về marketing, marketing là gì và quá trình tiến hành hoạt động marketing trong một đơn vị như thế nào. Quá trình marketing bắt đầu bằng việc phải hiểu biết sâu sắc môi trường marketing, nhu cầu và ước muốn của người tiêu dùng, trên cơ sở đó doanh nghiệp sẽ xây dựng một chiến lược marketing hướng về khách hàng (customer-driven marketing strategy) nhằm cung cấp giá trị vượt trội cho khách hàng. Để triển khai chiến lược marketing đã chọn, doanh nghiệp phải cụ thể hóa chiến lược marketing của mình thành một chương trình marketing liên hợp (integrated marketing program) bao gồm các yếu tố: chiến lược phát triển sản phẩm (Product strategy), chiến lược định giá sản phẩm (Price strategy), chiến lược phân phối (Place strategy), chiến lược truyền thông/chiêu thị (Communication/Promotion strategy).

9.9 Quản trị học căn bản

Số TC: 03

- *Phân bố thời gian học tập: 3(3,0,6)*
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Việc quản lý có hiệu quả công việc của nhân viên trong các tổ chức là vấn đề chính yếu của xã hội công nghiệp hóa vì chính những người quản lý là những người phải đưa ra quyết định về việc sử dụng nguồn nhân lực, vật liệu, công nghệ, và vốn. Môn học này sẽ khắc họa hình ảnh thực tế về những công việc mà người quản lý cần làm. Hơn nữa, môn học cũng sẽ giúp chỉ ra những kỹ năng mà các nhà quản lý phải áp dụng để đạt được những mục tiêu và tiêu chuẩn quan trọng đã đề ra bằng cách cung cấp những kiến thức cơ bản về một loạt các chủ đề bao gồm hoạch định, tổ chức, biên chế, lãnh đạo, thay đổi và ra quyết định trong tổ chức.

9.10 Kế toán quản trị

Số TC: 03

- *Phân bố thời gian học tập: 3(3,0,6)*
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Kế toán quản trị có chức năng thu thập, xử lý và cung cấp thông tin cần thiết cho nhà quản trị để thực hiện quản trị tổ chức. Thông tin của kế toán quản trị là một trong những nguồn thông tin chủ yếu cho nhà quản trị ra quyết định, điều hành và kiểm soát hoạt động trong một tổ chức. Môn học đi vào các nội dung cụ thể của kế toán quản trị như sau: phân tích mối quan hệ chi phí – khối lượng – lợi nhuận, phân tích chi phí phục vụ cho việc ra quyết định kinh doanh, lập kế hoạch và dự toán ngân sách, phân tích biến động chi phí sản xuất, đánh giá trách nhiệm quản lý, sử dụng kỹ thuật phân tích biến động đánh giá hiệu quả các hoạt động trong doanh nghiệp...

9.11 Quản trị dự án công nghiệp

Số TC: 03

- *Phân bố thời gian học tập: 3(3,0,6)*
- *Điều kiện tiên quyết:* Thông kê trong kinh doanh, Quản trị học căn bản
- *Tóm tắt nội dung học phần:* môn học này cung cấp các kiến thức và kỹ năng cơ bản trong quản lý dự án như phân tích và lựa chọn dự án, hoạch định và lập tiến độ dự án, giám sát và kiểm soát dự án, và các cách tiếp cận giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình quản lý dự án. Ngoài ra, môn học cũng giới thiệu các phần mềm liên quan nhằm nâng cao hiệu quả trong quản lý dự án.

9.12 Quản trị nguồn nhân lực

Số TC: 03

- *Phân bố thời gian học tập: 3(3,0,6)*
- *Điều kiện tiên quyết:* Quản trị học căn bản
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về nghiệp vụ quản trị Nhân sự. Thông qua lý thuyết kết hợp với thảo luận các tình huống, và làm các báo cáo thuyết trình nhóm, sinh viên làm quen với công tác quản trị nguồn nhân lực tại các doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp vừa và nhỏ. Môn học tập trung nhiều vào phân tích và xử lý tình huống.

9.13 Quản trị chiến lược

Số TC: 03

- *Phân bố thời gian học tập: 3(3,0,6)*

- *Điều kiện tiên quyết:* Quản trị học căn bản, Quản trị Marketing, Quản trị tài chính
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Quản trị chiến lược xem xét tình hình hoạt động của doanh nghiệp, các vấn đề về lập chiến lược và thực thi chiến lược theo quan điểm của giám đốc doanh nghiệp, cung cấp khung tổng quát để quản lý tổ chức và các bộ phận chức năng. Những ai có kế hoạch nghề nghiệp đảm trách chức vụ quản lý cao cấp, chủ doanh nghiệp vừa và nhỏ, hoặc phụ trách các bộ phận chức năng sẽ thấy môn học này hữu ích trong việc nâng cao hiệu quả của tổ chức.

9.14 Quản trị chất lượng

Số TC: 03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(3,0,6)
- *Điều kiện tiên quyết:* Quản trị học căn bản
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Môn học nhằm khái quát những khái niệm cơ bản về chất lượng, quản lý chất lượng, các hệ thống chất lượng và cung cấp một số công cụ, kỹ thuật trong quản lý chất lượng để thực hiện cải tiến chất lượng trong các doanh nghiệp sản xuất và dịch vụ.

9.15 Quản trị sản xuất 1 và Quản trị sản xuất 2

Số TC:

- *Phân bố thời gian học tập:* QTSX1 2(2,0,4) và QTSX 2 (3,0,6)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Quản trị sản xuất sẽ trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản trong vận hành hệ thống sản xuất thực tế. Nội dung chủ yếu của môn học bao gồm: thiết kế sản phẩm, thiết kế công việc, lựa chọn quy trình sản xuất, hoạch định tổng hợp, hoạch định nhu cầu nguyên vật liệu, và điều độ sản xuất,...

9.16 Quản trị chuỗi cung ứng

Số TC: 02

- *Phân bố thời gian học tập:* 2(2,0,4)
- *Điều kiện tiên quyết:* Quản trị sản xuất 1, Quản trị sản xuất 2, Marketing căn bản.
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Môn học giới thiệu các khái niệm, định nghĩa, quan điểm, giá trị, mục đích, phương pháp, và các kỹ thuật, công nghệ thiết kế & xây dựng hệ thống quản lý chuỗi cung ứng để người học có được cái nhìn tổng quát trước khi đi vào chuyên sâu. Điểm trọng yếu ở đây là giúp sinh viên có cái nhìn mới, hiểu quản lý chuỗi cung ứng như một nghề chuyên môn & có vai trò rất quan trọng trong giai đoạn phát triển kinh tế hiện nay.

9.17 Anh văn thương mại

Số TC: 03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(3,0,6)
- *Điều kiện tiên quyết:* Anh văn 1, 2, 3
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Môn học củng cố và phát triển kiến thức ngữ pháp, cấu trúc và từ vựng với trọng tâm là xây dựng cấu trúc câu và đoạn văn sử dụng trong giao tiếp kinh doanh và viết thư tín thương mại. Ngoài ra, môn học còn cung cấp từ vựng và những khái niệm được sử dụng trong các sách, báo, tạp chí và các tài liệu chuyên ngành thương mại. Sinh viên sẽ được rèn luyện kỹ năng đọc hiểu và nghe hiểu trong môi trường thương mại. Môn học đặc biệt chú trọng đến kỹ năng diễn đạt ý kiến, suy nghĩ, ý tưởng trong môi trường kinh doanh.

9.18 Quản trị tài chính

Số TC: 03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(3,0,6)
- *Điều kiện tiên quyết:* Nguyên lý kế toán
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Môn học này trang bị cho sinh viên những khái niệm, nguyên tắc và kỹ thuật cơ bản của quản trị tài chính và ứng dụng những nguyên tắc này trong việc ra quyết định của giám đốc tài chính: quyết định đầu tư, tài trợ và cổ tức. Sinh viên được làm quen với những vấn đề chính mà một giám đốc tài chính phải đối diện trong công ty. Những chủ đề chính bao gồm: sự bất cân xứng về thông tin, vấn đề đại diện, phân tích điểm hòa vốn, ra quyết định đầu tư trong điều kiện quốc tế hóa, cấu trúc vốn, định giá doanh nghiệp, huy động vốn, quản trị vốn lưu động và lập kế hoạch tài chính.

9.19 Thị trường chứng khoán

Số TC: 02

- *Phân bố thời gian học tập:* 2(2,0,4)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Môn học này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về chứng khoán và thị trường chứng khoán – một trong những kênh huy động vốn quan trọng nhất trong bất kỳ nền kinh tế nào của thế giới. Sinh viên được trình bày những lý thuyết căn bản của chứng khoán và thị trường chứng khoán bao gồm những khái niệm về cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ đầu tư, chứng khoán phái sinh. Môn học cũng giới thiệu cho sinh viên vai trò và chức năng của các nhân tố tham gia thị trường chứng khoán như Ủy ban chứng khoán nhà nước, Trung tâm lưu ký chứng khoán và các công ty chứng khoán.

9.20 Kế hoạch kinh doanh

Số TC: 02

- *Phân bố thời gian học tập:* 2(2,0,4)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Môn học này trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng lập kế hoạch kinh doanh trong doanh nghiệp. Trên cơ bản là cung cấp những kiến thức cần thiết để SV có thể tổng hợp và thiết lập bản kế hoạch kinh doanh từ mô tả về hình thức doanh nghiệp, xác định mục tiêu kinh doanh, phân tích thị trường, lên kế hoạch marketing và vận hành doanh nghiệp, dự kiến vốn cần thiết và đánh giá khả năng sinh lợi, khả năng hoàn vốn, và các dự báo hoạt động kinh doanh cần thiết khác nhằm để đón đầu cơ hội làm ăn hay có thể giảm thiểu những rủi ro có thể xảy ra. Việc thu thập thông tin để thực hiện kế hoạch kinh doanh giúp SV nhận dạng sự liên kết giữa các môn học trong chương trình đào tạo, sự phối hợp giữa các bộ phận phòng ban trong doanh nghiệp, và mối quan hệ giữa lý thuyết với thực tiễn.

9.21 Thương mại điện tử

Số TC: 02

- *Phân bố thời gian học tập:* 2(2,0,4)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Môn học này trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản về công nghệ Internet, tình hình phát triển Thương mại điện tử tại Việt Nam, các mô hình thương mại điện tử, hoạt động marketing và thanh toán trực

tuyển. Học xong môn học, sinh viên có thể đánh giá, tổ chức và tiến hành các hoạt động kinh doanh qua mạng Internet.

9.22 Văn hóa doanh nghiệp

Số TC: 02

- Phân bố thời gian học tập: 2(2,0,4)
- Điều kiện tiên quyết:
- Tóm tắt nội dung học phần: Môn Văn hóa doanh nghiệp cung cấp cho sinh viên kiến thức về văn hóa doanh nghiệp trong doanh nghiệp và tầm quan trọng của văn hóa doanh nghiệp trong quá trình hình thành và phát triển doanh nghiệp. Các lý thuyết và kiến thức thực tế về văn hóa cũng như những khía cạnh sâu xa của văn hóa doanh nghiệp. Từ đó, sinh viên có thể xây dựng văn hóa doanh nghiệp hiệu quả cho doanh nghiệp trong vai trò là một thành viên hay người tư vấn của doanh nghiệp đó.

10. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ HỌC TẬP

Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo

- + Phòng máy tính
- + Thư viện trường
- + Danh mục các trang web trong bộ đề cương chi tiết

11. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Giờ quy định tính như sau:

- 1 tín chỉ = 15 tiết giảng dạy lý thuyết hoặc thảo luận trên lớp
- = 30 giờ thí nghiệm hoặc thực hành
- = 45 giờ tự học
- = 45 ÷ 90 giờ thực tập tại cơ sở.
- = 45 ÷ 60 giờ thực hiện đồ án, khóa luận tốt nghiệp.

Số giờ của học phần là bội số của 15.

- Thi tốt nghiệp: được tổ hợp từ kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành và môn chính trị.
- Khóa luận tốt nghiệp: dạng đề tài nghiên cứu ứng dụng để giải quyết một vấn đề kinh tế cụ thể mang tính thực tế liên quan đến ngành học.
- Trình tự triển khai giảng dạy các học phần phải đảm bảo tính logic của việc truyền đạt và tiếp thu các mảng kiến thức, các cơ sở đào tạo cần quy định các học phần tiên quyết của học phần kế tiếp trong chương trình đào tạo.
- Về nội dung: nội dung trong đề cương là nội dung cốt lõi của học phần. Tùy theo từng chuyên ngành cụ thể có thể bổ sung thêm nội dung hay thời lượng cho một học phần nào đó.

- Về số tiết học của học phần: ngoài thời lượng giảng dạy trên lớp theo kế hoạch giảng dạy cho các học phần, cơ sở đào tạo cần quy định thêm số tiết tự học để sinh viên củng cố kiến thức đã học của học phần.
- Về yêu cầu thực hiện số lượng và hình thức bài tập của các học phần do giảng viên quy định nhằm giúp sinh viên nắm vững kiến thức lý thuyết, rèn luyện các kỹ năng thiết yếu.
- Tất cả các học phần đều phải có giáo trình hoặc bài giảng, tài liệu tham khảo, bài hướng dẫn,... đã in sẵn cung cấp cho sinh viên. Tùy theo điều kiện thực tế của trường, giảng viên xác định các phương pháp truyền thụ: giảng viên thuyết trình tại lớp, giảng viên hướng dẫn thảo luận giải quyết vấn đề tại lớp, thảo luận và làm việc theo nhóm.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA